TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 76/2023/QĐST-DS. *Ninh H, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành được lập ngày 19/12/2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 148/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1982

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970

Bà Phan Thị T, sinh năm 1980

Bà Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm 1979

Ông Nguyễn Q, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: Khu phố F, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà T, bà Y, ông Q: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khu phố F, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1958; bà Võ Thị H2, sinh năm 1957.

Cùng nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, bà H2: Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Khu phố F, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980

Bà Võ Thị T2, sinh năm 1973

Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1975

Ông Hồ Văn H3, sinh năm 1977

Bà Trần Thị Q1, sinh năm 1970

Cùng nơi cư trú: Khu phố F, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T2, ông T3, ông H3, bà Q1: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khu phố F, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Hợp đồng cam kết chuyển nhượng đất) ngày 10/12/2016 giữa bà Nguyễn Thị Thanh H1 với vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Võ Thị H2 đối với diện tích đất 182m^2, thuộc thửa đất số 291 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 182m^2, thuộc thửa đất số 291 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Theo trích lục bản đồ địa chính số 498/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 22/11/2023 của Văn phòng Đ1, chi nhánh N.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Hợp đồng cam kết chuyển nhượng đất) ngày 10/12/2016 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị T2 với vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Võ Thị H2, đối với diện tích đất 420m^2, thuộc thửa đất số 288 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 420m^2, thuộc thửa đất số 288 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Theo trích lục bản đồ địa chính số 498/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 22/11/2023 của Văn phòng Đ1, chi nhánh N.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Hợp đồng cam kết chuyển nhượng đất) ngày 10/12/2016 giữa vợ chồng bà Phan Thị T, ông Nguyễn Đức T3 với vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Võ Thị H2 đối với diện tích đất 395m^2, thuộc thửa đất số 289 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Vợ chồng bà Phan Thị T, ông Nguyễn Đức T3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích diện tích đất 395m^2, thuộc thửa đất số 289 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Theo trích lục bản đồ địa chính số 498/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 22/11/2023 của Văn phòng Đ1, chi nhánh N.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Hợp đồng cam kết chuyển nhượng đất) ngày 10/12/2016 giữa vợ chồng bà Phạm Thị Hoàng Y, ông Hồ Văn H3 với vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Võ Thị H2 đối với diện tích đất 200m^2 thuộc thửa đất số 290 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Vợ chồng bà Phạm Thị Hoàng Y, ông Hồ Văn H3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích diện tích đất 200m^2 thuộc thửa đất số 290 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Theo trích lục bản đồ địa chính số 498/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 22/11/2023 của Văn phòng Đ1, chi nhánh N.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Hợp đồng cam kết chuyển nhượng đất) ngày 10/12/2016 giữa vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần Thị Q1 với vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ và bà Võ Thị H2 đối với diện tích đất 330m^2 thuộc thửa đất số 292 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Vợ chồng ông Nguyễn Q, bà Trần Thị Q1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích diện tích đất 330m^2 thuộc thửa đất số 292 (Được chỉnh lý từ thửa đất số 150), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Theo trích lục bản đồ địa chính số 498/VP.ĐKĐĐCNNH ngày 22/11/2023 của Văn phòng Đ1, chi nhánh N.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

-*Tài sản trên đất*: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:* Bà Nguyễn Thị Thanh H1 tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

- *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0007755 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. H4 lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Văn L đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0007756 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. H4 lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền chênh lệch là 150. 000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Phan Thị T đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0007759 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. H4 lại cho bà Phan Thị T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Phạm Thị Hoàng Y đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0007758 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. H4 lại cho bà Phạm Thị Hoàng Y số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ông Nguyễn Q đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0007757 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. H4 lại cho ông Nguyễn Q số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Lưu./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lan